TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2022/DS-PT
Ngày 17-5-2022
"V/v Tranh chấp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền

Các Thẩm phán: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Ông Nguyễn Văn Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 4 năm 2022 về "Tranh chấp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 94/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 4 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Khu phố G, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị T: Ông Trần Văn C, sinh năm: 1967;

Địa chỉ: Số 84, Đường L, phường 4, thành phố T2, tỉnh Long An. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 7 năm 2020).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Huỳnh H, sinh năm: 1973;

Địa chỉ đang thường trú: Khu phố 5, Phường 2, thị xã K, tỉnh Long An.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 11 năm 2020 của bà Nguyễn Thị T và cùng những lời trình bày của người đại diện hợp pháp như sau:

Vào ngày 20 tháng 01 năm 2014 âm lịch, bà T với bà Nguyễn Thị Huỳnh H đối chiếu các dây hụi của năm 2013 thì bà H thiếu nợ bà số tiền 376.600.000 đồng. Bà H viết biên nhận và hứa sẽ chịu lãi suất 2%/tháng và đóng lãi hàng tháng nhưng đến nay bà H vẫn chưa trả cho bà T.

Bà H còn tham gia dây hụi tháng và hụi ngày do bà T làm đầu thảo (hiện hụi đã mãn). Khi hốt hụi bà H có viết giấy biên nhận nhận tiền hụi nhưng đến nay chưa đóng tiền hụi chết cho bà T với tổng số tiền 284.000.000 đồng của 7 dây hụi, cụ thể như sau:

- Dây hụi 5.000.000 đồng/tháng ngày 22 tháng 6 năm 2013 âm lịch, gồm 24 phần, bà H hốt đầu được số tiền 115.000.000 đồng, sau khi hốt hụi bà H có đóng hụi chết được 16 lần, còn nợ 07 lần hụi chết số tiền 35.000.000 đồng.

- Dây hụi 5.000.000 đồng/tháng ngày 30 tháng 7 năm 2014 âm lịch, gồm 19 phần, bà H hốt đầu được số tiền 95.000.000 đồng, sau khi hốt hụi bà H có đóng được 4 lần hụi chết, còn nợ 15 lần hụi chết số tiền 75.000.000 đồng.

- Dây hụi 5.000.000 đồng/tháng ngày 01 tháng 10 năm 2014 âm lịch, gồm 24 phần, bà H hốt đầu được số tiền 75.000.000 đồng, sau khi hốt hụi bà H không đóng hụi chết nên nợ bà 16 lần hụi chết số tiền 80.000.000 đồng.

- Ngày 04 tháng 9 năm 2017 âm lịch, bà H tham gia một phần của dây hụi 400.000 đồng/ngày gồm 100 phần (100 ngày). Bà H hốt đầu được số tiền 40.000.000 đồng và đóng được 66 ngày và còn nợ 34 ngày số tiền 13.600.000 đồng.

- Ngày 14 tháng 9 năm 2017 âm lịch, bà H tham gia một phần của dây hụi 400.000 đồng/ngày gồm 100 phần (100 ngày). Bà H hốt đầu được số tiền 40.000.000 đồng và đóng được 56 ngày và còn nợ 44 ngày số tiền 17.600.000 đồng.

- Ngày 01 tháng 10 năm 2017 âm lịch, bà H tham gia một phần của dây hụi 400.000 đồng/ngày gồm 100 phần (100 ngày). Bà H hốt đầu được số tiền 40.000.000 đồng và đóng được 40 ngày và còn nợ 60 ngày số tiền 24.000.000 đồng.

- Ngày 10 tháng 11 năm 2017 âm lịch, bà H tham gia một phần của dây hụi 400.000 đồng/ngày gồm 100 phần (100 ngày). Bà H hốt đầu được số tiền 40.000.000 đồng và đóng được 03 ngày và còn nợ 97 ngày số tiền 38.800.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông Cường đại diện hợp pháp của bà T yêu cầu bà H phải trả cho bà T tổng số tiền 660.600.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh H trình bày: Từ năm 2000 đến năm 2014 bà có tham gia rất nhiều dây hụi nhưng nay bà không nhớ cụ thể của từng dây. Bà

H xác nhận bà T cung cấp biên nhận ngày 20 tháng 01 năm 2014 âm lịch số tiền nợ hụi 376.600.000 đồng là nợ của các dây hụi trước đó, bên nhận này do chính tay bà viết và ký tên, còn các dây hụi năm 2014 thì kết thúc vào năm 2017. Đối với 08 biên nhận bà T cung cấp thì đều do bà viết và ký tên nhưng thực tế bà không nhận tiền. Đối với 23 trang giấy phô tô ghi tính hụi mà bà nộp cho Tòa án là bà T viết, còn bản chính bà giữ. Bà cũng không xác định được số tiền hụi bà thiếu, bà T đã khấu trừ chưa và bà cũng không xác định được số tiền đã đóng và số tiền bà còn thiếu bà T. Theo bà tính thì bà còn thiếu nợ bà T khoảng 130.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng, nhưng đây là số tiền lãi khống và hụi khống chứ thực tế bà không có nhận tiền của bà T. Bà đã trả cho bà T khoảng hơn 1.000.000.000 đồng nhưng mỗi lần mãn hụi, bà T không có trả biên nhận lại cho bà mà giữ các biên nhận đó và khởi kiện bà. Hiện bà không còn thiếu nợ tiền hụi bà T nên không đồng ý trả số tiền 660.600.000 đồng theo yêu cầu của bà T.

Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng đã căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 13, Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về "Họ, hụi, biêu, phường"; Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần theo yêu cầu bà T về số tiền nợ hụi.

Buộc bà H phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 376.600.000 đồng (Ba trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu 18.830.000 đồng. Bà T phải chịu 14.200.000 đồng. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 15.212.000 đồng theo biên lai thu số 0005731 ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Hoàn trả cho bà T 1.012.000 đồng tiền tạm ứng án phí còn lại.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các đương sự ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 10 tháng 01 năm 2021, nguyên đơn bà T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về số tiền nợ hụi 284.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà T do ông C đại diện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Bà T ủy quyền cho ông C có lời trình bày: Yêu cầu chấp nhận số tiền bà H còn nợ bà T 284.000.000 đồng. Số tiền góp và nợ do bà T tự theo dõi, danh sách hụi viên và thời gian, số tiền góp hàng tháng như thế nào bà T không còn lưu giữ do thời gian đã lâu.

Bà H trình bày: Xác định không còn nợ số tiền trên, không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà T.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn bà T kháng cáo đúng quy định tại Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Bà T kháng cáo đối với số tiền 284.000.000 đồng cấp sơ thẩm không chấp nhận. Bà H trình bày đã góp đủ tiền hụi, bà T trình bày bà H góp chưa đủ còn nợ, bà T có ghi sổ tự theo dõi nhưng sổ đã mất, không cung cấp được danh sách hụi viên. Chứng cứ bà T khởi kiện bà H đối với số tiền 284.000.000 đồng là 07 biên nhận do bà H viết và ký tên, tuy nhiên 07 biên nhận thể hiện nội dung bà H có tham gia hụi, hốt hụi và thời gian góp hụi; không thể hiện số tiền chưa góp là bao nhiêu. Do vậy, kháng cáo của bà T không có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của T. Tuy nhiên, án sơ thẩm không tuyên đối với yêu cầu của bà T bị bác nên đề nghị sửa cách tuyên án. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa cách tuyên bản án sơ thẩm số 14/2021/DSST, ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà T kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo của bà T về một phần bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo của bà T thấy rằng: Bà T kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc bà H trả số tiền góp hụi còn nợ là 284.000.000 đồng. Bà H không đồng ý vì cho rằng không còn nợ.

[3.1] Bà T và bà H thừa nhận có việc tham gia chơi hụi do bà T làm chủ hụi, bà H là hụi viên. Bà T yêu cầu bà H trả số tiền góp hụi còn nợ là 284.000.000 đồng từ việc cung cấp chứng cứ là 07 tờ biên nhận có nội dung bà H có hốt hụi mệnh giá, số tiền hốt, nghĩa vụ đóng mỗi tháng, thời gian đóng, ngoài ra không có nội dung nào khác. Bà T không cung cấp danh sách hụi, thời gian bà H góp bao nhiêu phần hụi còn lại bao nhiêu. Việc chốt lại số nợ 284.000.000 đồng từ 07 biên nhận (bút lục số 53 -59) do bà T tự tính. Bà H không thừa nhận có việc nợ và không có biên nhận chốt nợ giữa các bên cũng như số tiền bà H góp bao nhiêu, còn lại bao nhiêu, danh sách hụi viên nên yêu cầu của bà T không có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà T đối với số tiền 284.000.000 đồng là có căn cứ. Vì vậy yêu cầu kháng cáo của bà T không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, án sơ thẩm có nhận định đối với yêu cầu khởi kiện số tiền 284.000.000 đồng là không có căn cứ nhưng tại phần quyết định không tuyên bác yêu cầu đối với số tiền này là chưa đúng quy định. Vì vậy, cần sửa bản án sơ thẩm đối với cách tuyên án.

[4] Từ nhận định mục [3], không chấp nhận kháng cáo của bà T. Sửa bản án dân sự sơ thẩm về cách tuyên án như đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà T phải chịu 300.000 đồng theo Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 13, Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về "Họ, hụi, biêu, phường"

Căn cứ vào các Điều 471 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị Huỳnh H phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 376.600.000 đồng (Ba trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Huỳnh H trả số tiền 284.000.000 đồng. (Hai trăm tám mươi bốn triệu đồng).

3. Về án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Huỳnh H phải chịu 18.830.000 đồng (mười tám triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu 14.200.000 đồng (mười bốn triệu hai trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà Nguyễn Thị T đã nộp 15.212.000 đồng (mười lăm triệu hai tram mười hai nghìn đồng) theo biên lai số 0005731 ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T 1.012.000 đồng (một triệu không trăm mười hai nghìn đồng).

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị T đã nộp theo biên lai thu số 0003108 ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. (Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc phẩm)

4. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Tân Hưng;
- Chi cục THADS huyện Tân Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Bích Tuyền